

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2018/HS-PT

Ngày: 13-11-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Thẩm phán: Ông **Lại Anh Vân**

Ông **Nguyễn Huy Hiệu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Phạm Thị Y** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 177/2018/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thế Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 52/2018/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Khu dân cư số 5, phường P, thị xã L, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị H; có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/5/2018 đến ngày 24/5/2018 được thay thế bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Chị **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1987, trú quán: Phòng 101 - khu tập thể B, Công ty P, khu dân cư số 5, phường P, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

2. Chị **Phạm Hương M**, sinh năm 1982;

3. Anh **Phạm Công H (chồng chị M)**, sinh năm 1982;

Đều trú quán: Phòng 106 - Nhà 14, khu A tập thể Công ty P, khu dân cư số 5, phường P, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

Người bị hại không có kháng cáo, không được triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 30/4/2018, Nguyễn Thế Đ đi ăn sáng về qua khu vực cầu thang số 1, nhà tập thể D của Công ty P, thuộc khu dân cư số 5, phường P, thị xã L, Hải Dương thấy phòng số 101 của chị Nguyễn Thị Y mở cửa. Quan sát không có người ở trong phòng, Đ đi vào trong phòng thấy 01 ba lô da màu đen đã cũ có kích thước (24x25x8)cm, có 02 quai đeo để ở cuối giường, bên trong ba lô có 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng loại 64Gb đã cũ, Imei số 359297068242242 và số tiền 5.000.000đ. Đ nảy sinh ý định lấy số tài sản trong chiếc ba lô, Đ liền lấy chiếc ba lô đi ra khu vực gần Trường cấp 1 P, thuộc khu dân cư số 4, phường P, thị xã L, Hải Dương, lục soát lấy chiếc điện thoại Iphone 6 và 5.000.000đ tiền mặt rồi vứt ba lô vào bụi cây. Đ mang điện thoại về nhà cất giấu, số tiền 5.000.000đ Đ chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/5/2018, Nguyễn Thế Đ sau khi đi uống bia về đi qua khu A nhà tập thể của Công ty P ở khu D, thuộc khu dân cư số 5, phường P, thị xã L, Hải Dương, thấy phòng 106, nhà 14 của chị Phạm Hương M mở cửa, có điện sáng nhưng trong phòng không có người. Quan sát thấy xung quanh không có người Đ đi vào phòng, phát hiện trên bàn uống nước chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Pro màu xanh - bạc, Imei 1 số 353317090452468, Imei 2 số 353318090452466, trong lắp thẻ sim thuê bao mạng viettel số 0168.529.5879 của chị M, Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này. Đ dùng tay phải lấy điện thoại cầm trên tay, sau đó đi vào gian đối diện thấy có chiếc quần dài màu ghi (của anh Nguyễn Công H chồng chị M), đang treo trên móc quần áo, trong túi quần phía sau bên phải để 01 (một) chiếc ví da nam, loại ví đứng, đã cũ có kích thước (10x12)cm màu đen, bên trong ví có để các giấy tờ: 01 giấy phép lái xe số N872867, 01 Thẻ an toàn điện số 307/NPS/TATĐ, 01 CMND số 141822978 cấp ngày 10/8/2001, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô 34B2 - 571.31 số 179306, tất cả các giấy tờ đều mang tên Phạm Công H. Lấy được ví và điện thoại Đ nhanh chóng đi ra khỏi phòng nhà chị M, đến khu vực gần Trường cấp 3 P, Đ lục soát trong ví thấy có giấy tờ, không thấy có tài sản gì nên vứt ví ở khu vực gần Trường cấp 3 P, còn chiếc điện thoại mang về gặp Lương Quang B, sinh năm 1984, trú tại khu dân cư số 4, phường P, thị xã L, tỉnh Hải Dương. Đ nói: Điện thoại của người yêu cho không muốn dùng, bán với giá 3.000.000đ. B thấy điện thoại sử dụng được đã đồng ý mua và trả ngay cho Đ 3.000.000đ. Ngày 17/5/2018, Đ gặp B thấy B hỏi lại về nguồn gốc điện thoại SAMSUNG, Đ sợ việc trộm cắp bị phát hiện, Đ đã trả lại cho B số tiền 3.000.000đ và lấy lại chiếc điện thoại SAMSUNG đã bán cho B.

Ngày 21/5/2018, Đ lên Cơ quan Công an thị xã L tự thú và giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 6; 01 chiếc ba lô màu đen; 01 chiếc điện thoại SAMSUNG Galaxy J7 Pro, 01 chiếc ví da nam bên trong có chứa giấy tờ. Cơ quan điều tra - Công an thị xã L đã trao trả chị Y 01 chiếc ba lô, 01 điện thoại; trả anh H 01 ví màu đen, 01 Giấy phép lái xe, 01 Thẻ an toàn điện, 01 CMND, 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô; trao trả chị M 01 điện thoại và vỏ điện thoại; Đ tự nguyện bồi thường chị Y số tiền 5.000.000đ; chị Y, chị M, anh H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về dân sự.

Tại Kết luận định giá tài sản số 458 ngày 22/5/2018, Hội đồng định giá tài sản UBND thị xã L kết luận:

a) Chiếc ba lô da màu đen, đã cũ tại thời điểm ngày 30/4/2018 có trị giá: 100.000đ; chiếc điện thoại Iphone 6, loại 64Gb, màu vàng, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 30/4/2018 là 4.000.000đ. 01 (sim điện thoại Viettel tại thời điểm ngày 30/4/2018 có trị giá 25.000đ; cộng là 4.125.000đ

b) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 vỏ màu xanh - bạc, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 15/5/2018 có trị giá: 5.000.000đ. 01 sim điện thoại Viettel tại thời điểm ngày 15/5/2018 có trị giá 25.000đ; Chiếc ví da nam đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 15/5/2018 có trị giá: 50.000đ; cộng là 5.075.000đ.

Tổng giá trị tài sản Đ chiếm đoạt của chị Y là = 9.125.000đ, của chị M và anh H là = 5.075.000đ, tổng cộng = **14.200.000đ**;

Tại bản án sơ thẩm số 52/2018/HS-ST ngày 17/8/2018, TAND thị xã L áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo 15 tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 21/5/2018 đến ngày 24/5/2018) còn phải chấp hành hình phạt tù là 14 tháng 27 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/8/2018, bị cáo Đ kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Đ nhất trí với tội danh, các tình tiết giảm nhẹ đã cấp sơ thẩm đã quyết định; bị cáo trình bày vợ bị cáo vừa mới sinh nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình.

- VKSND tỉnh phát biểu:

+ Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

+ Qua nhiên cứu hồ sơ và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa thì thấy, bị cáo Đ lợi dụng sơ hở, vào nhà của người bị hại trộm cắp tài sản 2 lần, mỗi lần giá trị tài sản trên 2.000.000đ nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ về tội Trộm cắp tài sản và áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần đối với bị cáo là chính xác. Trong quá trình giải quyết bị cáo thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả và ra tự thú, các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, trên cơ sở đó cử phạt bị cáo 15 tháng tù là phù hợp. Bị cáo phạm tội nhiều lần nên không thuộc trường hợp được hưởng án treo. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Đ trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vậy đã có đủ căn cứ kết luận:

- Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 30/4/2018, tại phòng 101 của chị Nguyễn Thị Y ở khu tập thể D Công ty P, thuộc khu dân cư số 5, phường P, thị xã L, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Thế Đ lợi dụng sơ hở, vắng người đã lấy của chị Y 01 chiếc ba lô làm bằng da trị giá 100.000đ; 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, loại 64 Gb, lắp thẻ sim Viettel trị giá 4.025.000đ và 5.000.000đ tiền mặt; tổng cộng = 9.125.00đ.

- Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/5/2018 tại Phòng 106, nhà 14 của chị Phạm Hương M ở khu A nhà tập thể Công ty P thuộc khu dân cư số 5, phường P, thị xã L, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Thế Đ lợi dụng sơ hở, vắng người đã lấy của chị M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Pro lắp sim số 01685295879 trị giá 5.025.000đ; lấy của anh Phạm Công H (chồng chị M) 01 chiếc ví da nam trị giá 50.000đ bên trong có 01 Đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe, giấy CMND; 01 giấy chứng nhận an toàn điện đều mang tên anh H, tổng cộng = 5.075.000đ.

- Tổng giá trị tài sản Đ chiếm đoạt của chị Y, chị M, anh H là **14.200.000đ** (Mười bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị cáo Đ gây mất trật tự an toàn xã hội, gây thiệt hại về tài sản cho nhiều người, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần, lần thứ nhất vào ngày 30/4/2018 và lần thứ hai vào ngày 15/5/2018, giá trị tài sản mỗi lần trộm đều trên 2.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Đồng thời phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Tuy nhiên xét thấy tài sản bị cáo trộm có giá trị không lớn, bị cáo đã ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã tự thú, hoàn trả tài sản và bồi thường cho người bị hại nên mức hình phạt 15 tháng tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. HĐXX thấy rằng cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, vẫn đủ tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Do sửa bản án sơ thẩm nên bị cáo Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 52/2018/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện thị xã L, tỉnh Hải Dương.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Đ **12 (Mười hai)** tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 21/5/2018 đến ngày 24/5/2018). Bị cáo Đ còn phải chấp hành hình phạt tù là 11 tháng 27 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Bị cáo Nguyễn Thế Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 13/11/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện L (2 bản);
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng Huy